| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KON RẪY**<br>**TỈNH KON TUM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 23/2019/QĐST- HNGĐ | *Kon Rẫy, ngày 29 tháng 11 năm 2019* |

**QUYẾT ĐỊNH**
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON RẪY, TỈNH KON TUM**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 42/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, và thỏa thuận nuôi con" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Y Pe, sinh năm 1969 và ông Nguyễn Xuân K, sinh năm 1972.

Cùng trú tại: Thôn 04, xã Đắk T, huyện Kon R, tỉnh Kon Tum.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Y Pe và Ông Nguyễn Xuân K kết hôn hợp pháp, hai đương sự trình bày chung sống với nhau không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau nhiều lần. Từ những chuyện trên dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được giữa hai bên. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên thống nhất thỏa thuận yêu cầu Tòa án công nhận vợ chồng thuận tình ly hôn. Xét thấy cần chấp nhận.

[2] Về con chung: Hai đương sự xác nhận vợ chồng có 01 con chung: Cháu Nguyễn Xuân M (sinh ngày 28/6/2009) và thỏa thuận. Giao cháu Nguyễn Xuân M (sinh ngày 28/6/2009) cho bà Y Pe trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Xuân M đủ 18 tuổi.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Y Pe không yêu cầu ông Nguyễn Xuân K phải cấp dưỡng nuôi con chung, nội dung này ông Ka cũng đồng ý.

+ Ông Nguyễn Xuân K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc thỏa thuận nuôi con là các đương sự tự thỏa thuận với nhau vì vậy xét thấy cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) các đương sự phải chịu, bà Y Pe thỏa thuận nhận chịu toàn bộ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Bà Y Pe và Ông Nguyễn Xuân K thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Bà Y Pe và Ông Nguyễn Xuân K xác nhận vợ chồng có 01 con chung và thỏa thuận như sau: Giao cháu Nguyễn Xuân M (sinh ngày 28/6/2009) cho bà Y Pe trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Xuân M đủ 18 tuổi.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Xuân K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Ông Nguyễn Xuân K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về các vấn đề khác:** Không.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Áp dụng Điều 144, khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) các đương sự phải chịu. Bà Y Pe thỏa thuận nhận chịu toàn bộ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự mà bà Y Pe đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001573 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum. Bà Y Pe đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

Đã ký

**Đồng Thị Bình**